

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **VŨ DUY LUÂN**
- *Các hội thẩm nhân D:* Ông **ĐẶNG NGỌC TÂN**

Bà **PHẠM HẢI YẾN**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ THU** - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG** - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân D huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2017/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Đức P, sinh năm 1967.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10;

Bố đẻ: Vũ Đức L (đã chết).

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1924, hiện già yếu sống ở cùng thôn.

Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 5;

Vợ: Vũ Thị Th, sinh năm 1969, hiện lao động tự do ở Quảng Ninh;

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1994.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 7/10 sau nghỉ học ở nhà lao động tự do. Quá trình sinh sống chưa có vi phạm pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2017, ngày 08/8/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: Nguyễn T K, sinh năm 1987.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn H, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Bố đẻ: Nguyễn T G, sinh năm 1956

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1956, hiện làm ruộng tại cùng địa chỉ.

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 4;

Vợ: Đoàn Thị T, sinh năm 1988, hiện lao động tự do ở cùng địa chỉ;

Con: có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 9/12 sau nghỉ học ở nhà lao động tự do. Quá trình sinh sống chưa có vi phạm pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2017 đến ngày 11/8/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: Vũ T D, sinh năm 1976.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Bố đẻ: Vũ Ngọc C, sinh năm 1944

Mẹ đẻ: Vũ Thị B, sinh năm 1938, hiện đều làm ruộng tại cùng địa chỉ.

Gia đình có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ 6;

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 9/12 sau nghỉ học ở nhà lao động tự do. Ngày 01/11/1995 đánh bạc bị Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính (hiện đã hết thời hiệu).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2017 đến ngày 11/8/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đông Quỳnh, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Bố đẻ: Nguyễn Văn P, sinh năm 1970.

Mẹ đẻ: Vũ Thị X, sinh năm 1969, hiện đều làm ruộng tại cùng địa chỉ.

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 12/12 sau nghỉ học ở nhà lao động tự do. Quá trình sinh sống chưa có vi phạm pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2017 đến ngày 08/8/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

5. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1980.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo thiên chúa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Bố đẻ: Nguyễn Văn T (đã chết)

Mẹ đẻ là: Nguyễn Thị C, sinh năm 1941, hiện làm ruộng tại cùng địa chỉ.

Gia đình có 10 anh chị em, bị cáo là con thứ 7.

Vợ: Chu Thị T, sinh năm 1984, hiện lao động tự do ở cùng địa chỉ;

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2008; con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 9/12 sau nghỉ học ở nhà lao động tự do. Quá trình sinh sống chưa có vi phạm pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2017 đến ngày 11/8/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

6. Vũ Hữu T, sinh năm 1985.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Bố đẻ: Vũ Hữu T, sinh năm 1961.

Mẹ đẻ: Phạm Thị L, sinh năm 1959, hiện đều làm ruộng tại cùng địa chỉ.

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 hiện lao động tự do ở cùng địa chỉ;

Con: có 2 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 9/12 sau nghỉ học ở nhà lao động tự do. Quá trình sinh sống chưa có vi phạm pháp luật

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2017 đến ngày 11/8/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

7. Nguyễn Minh P, sinh năm 1976.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo thiên chúa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10;

Bố đẻ: Nguyễn Văn P, sinh năm 1951

Mẹ đẻ là: Nguyễn Thị C, sinh năm 1954, hiện làm ruộng tại cùng địa chỉ.

Gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Vợ: Vũ Thị V, sinh năm 1976, hiện lao động tự do ở cùng địa chỉ;

Con: có 2 con, con lớn sinh năm: 1997, con nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 7/10 sau nghỉ học ở nhà lao động tự do. Quá trình sinh sống chưa có vi phạm pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2017 đến ngày 08/8/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

8. Nguyễn Văn V, sinh năm 1980.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Hà Tiến, xã D Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Bố đẻ: Nguyễn Văn T, sinh năm 1955.

Mẹ đẻ là: Phan Thị N, sinh năm 1954, hiện làm ruộng tại cùng địa chỉ.

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 hiện lao động tự do ở cùng địa chỉ;

Con: có 3 con, con lớn nhất sinh năm: 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 9/12 sau nghỉ học ở nhà lao động tự do. Quá trình sinh sống chưa có vi phạm pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2017 đến ngày 08/8/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

9. Trần Văn T, sinh năm 1978.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12;

Bố đẻ: Trần Văn T, sinh năm 1949, hiện làm ruộng tại cùng địa chỉ

Mẹ đẻ là: Đoàn Thị M (đã chết).

Gia đình có 04 anh chị em, Bị cáo là con thứ ba;

Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1986, hiện lao động tự do ở cùng địa chỉ. Con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 6/12 sau nghỉ học ở nhà lao động tự do. Tại bản án số 208 ngày 31/10/1998, Trần Văn T bị Tòa án nhân D tỉnh Thái Bình xử phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp của công D, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/12/1997, Bị cáo được trả tự do tại phiên tòa do thời hạn tù thấp hơn thời hạn bị tạm giam (hiện đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2017 đến ngày 11/8/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972 ở thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 5/8/2017, tổ công tác Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện bắt quả tang tại gác xép tầng 1 nhà ở của Vũ Đức P tại thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình 08 đối tượng đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng” gồm: Nguyễn Văn V; Trần Văn T; Nguyễn Minh P; Nguyễn Văn T2; Nguyễn Văn T; Nguyễn T K; Vũ Hữu T và Vũ T D. Quản lý trên chiếu bạc số tiền 550.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói đã cũ. Quản lý trên người các đối tượng tổng số tiền 6.850.000 đồng. Trong đó, quản lý của Nguyễn T K: 2.460.000đ; Vũ T D: 1.330.000đ; Nguyễn Văn T2: 1.050.000đ; Nguyễn Văn T: 1.010.000đ; Nguyễn Minh P: 610.000đ; Vũ Hữu T: 250.000đ; Nguyễn Văn V: 100.000đ; Trần Văn T: 40.000đ.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo cùng khai nhận: Do có quan hệ quen biết từ trước nên khoảng 14 giờ ngày 05/8/2017, Vũ Đức P đang ở nhà thì Nguyễn Văn V đến nhà P

chơi. P, V ngồi chơi đến khoảng 14 giờ 10 phút thì P nảy sinh ý định đánh bạc nên gọi điện thoại lần lượt cho Trần Văn T, Nguyễn T K với nội dung rủ T, K đến đánh bạc được cả hai đồng ý. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì Trần Văn T, Nguyễn Minh P lần lượt đến nhà P gặp P, V đang ngồi chơi nói chuyện. Lúc này, P bảo với V, T, Ph: “*Ài đánh bạc thì lên trên gác*” thì V, T, Ph đi lên gác xếp nhà P ngồi xuống chiếc chiếu cói P đã trải sẵn dưới nền nhà để đánh bạc. T cầm bộ bài tú lơ khơ có sẵn dưới chiếu đảo đều rồi chia cho T, V, Ph mỗi người ba cây. Hiểu ý T chia như vậy là đánh “Liêng” nên cả ba thông nhất góp tiền “gà” là 10.000đ; tiền “tố” cao nhất là 50.000đ rồi tất cả bắt đầu đánh bạc. Trong lúc V, T, Ph đánh bạc thì P ngồi trên giường trên gác xếp xem, thỉnh thoảng đi lên đi xuống. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T2 đi qua nhà Vũ Đức P thấy ồn ào nên đi lên gác xếp nhà P thì thấy V, T, Ph đang đánh bạc, T xin vào đánh bạc cùng mọi người với cách thức và mức độ sát phạt như cũ. Khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày Nguyễn Văn T đến nhà P và cũng lên gác xếp đánh bạc cùng V, T, Ph, T. Lúc này, P đi lên xem mọi người đánh bạc và bảo: “*Mỗi người cho xin 10.000đ*”, ý P là mỗi người đến đánh bạc nộp 10.000 đồng tiền “hồ”. Nghe P nói vậy thì V, T, Ph, T, T2 lấy mỗi người 10.000đ, được tổng số tiền 50.000đ đưa cho P. Khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày Nguyễn T K, Vũ Hữu T lần lượt đến nhà P, đi lên gác xếp và vào đánh bạc cùng V, T, Ph, T, T2. Khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày Vũ T D đến nhà P lên gác xếp ngồi xem V, T, Ph, T, T2, K, T1 đánh bạc. Khoảng 5 phút sau Nguyễn Văn T không chơi nữa ngồi lên giường xem, lúc này D vào chơi đánh bạc thay chỗ của T2 với cách thức, mức độ sát phạt như ban đầu và vị trí ngồi như sau: Tính từ người ngồi gần cầu thang và theo chiều quay kim đồng hồ đầu tiên là Ph – T – T – V – T1 – D – K. Quy ước cách chơi như sau: Mỗi ván mỗi người chơi góp tiền “gà” cố định là 10.000đ; tiền “tố” cao nhất là 50.000đ. Trước khi bắt đầu chơi những người tham gia đánh bạc phải đặt số tiền “gà” cố định là 10.000đồng, người chia bài chia cho mỗi người 03 quân bài, số bài còn lại bỏ ra ngoài. Sau khi chia xong, mỗi người chơi cầm phần bài tương ứng với vị trí ngồi và bắt đầu “tố” tiền. Người chia bài sẽ là người được “tố” đầu tiên, người “tố” tiếp theo lần lượt theo chiều quay ngược kim đồng hồ. Người “tố” sau phải “tố” số tiền cao hơn hoặc bằng số tiền của người “tố” liền trước đó nhưng không quá 50.000đ. Việc “tố” nhiều hay ít tùy theo ý thích và sự tính toán của người chơi không căn cứ vào nước bài của người đó. Nếu người chơi bài nào thấy bài của mình nhỏ không có khả năng thắng được những người cùng chơi thì có thể không tham gia “tố”, người này úp bài xin thua và bị mất số tiền góp “gà” và tiền “tố” trước đó. Người nào có số tiền “tố” bài cao nhất thì người “tố” sẽ thắng và được ăn hết số tiền “gà” và tiền “tố” của ván bài đó. Nếu như trong một ván

chơi có nhiều người cùng có số tiền “tố” bằng nhau thì tất cả những người cùng chơi cùng hạ bài xuống để tính điểm với nhau. Bài của ai có số điểm cao nhất thì thắng và được ăn hết số tiền đã góp “gà”, tiền “tố” của tất cả những người cùng chơi ở trong ván bài đó. Quy ước bài của ai có “Sáp” tức 03 quân bài có cùng điểm số (ví dụ 222,333,QQQ) là to nhất, tiếp theo đến “Liêng” tức 03 quân bài khác điểm số nhưng liền kề nhau (ví dụ 567, 789, JQK), “Sáp” to thắng “Sáp” nhỏ, “Liêng” to thắng “Liêng” nhỏ. “Sáp” AAA là to nhất, “Sáp” 222 là nhỏ nhất; “Liêng” QKA là to nhất và “Liêng” 123 là nhỏ nhất. Nếu không ai có “Sáp” hoặc “Liêng” thì cùng tính điểm với nhau, bài của ai có 9 điểm là to nhất và 0 điểm là nhỏ nhất. Nếu như trong một ván bài mà có từ hai người cùng chơi trở lên có cùng số điểm to nhất với nhau thì quy định lấy quân bài có chất “Rô” là to nhất, tiếp theo lần lượt đến các chất Cơ – Tép – Bích, quân bài “A rô” là to nhất tiếp đến theo thứ tự giảm dần đến quân bài “2 bích” là nhỏ nhất. Cách thức tính điểm từ quân bài 1 (A) đến quân bài 9 sẽ được tính tương ứng với số điểm từ 1 đến 9, riêng quân bài 10, J, Q, K không tính điểm. Người chơi nào nhất ván bài trước sẽ được chia bài và “tố” đầu tiên ở ván bài tiếp theo.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày khi V, T, Ph, T, D, K, T1 đang đánh bạc còn T2 ngồi xem thì tổ công tác Công an huyện Quỳnh Phụ bắt quả tang quản lý toàn bộ tang vật. Trong lúc mọi người đánh bạc thì Vũ Đức P đi mua đồ ăn nên khi Công an bắt quả tang P không có mặt ở nhà. Đến 19 giờ cùng ngày Vũ Đức P đã lên Công an huyện Quỳnh Phụ đầu thú và tự nguyện giao nộp 50.000đ (tiền hồ) là tiền thu lời bất chính từ việc cho các đối tượng đánh bạc tại nơi ở của mình. Ngoài ra, CQĐT còn quản lý của P 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 4s màu trắng; quản lý của K 01 điện thoại Iphone 4 màu đen; quản lý của T 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng là những chiếc điện thoại P liên lạc với K, T về việc đánh bạc.

Bị cáo Nguyễn T K khai mang theo và sử dụng số tiền 3.000.000đ để đánh bạc; bị thua 540.000đ; đến khi bị bắt quả tang trên người còn 2.460.000đ. Vũ T D khai mang theo và sử dụng số tiền 1.400.000đ để đánh bạc; bị thua 70.000đ; đến khi bị bắt quả tang trên người còn 1.330.000đ. Nguyễn Văn T khai mang theo và sử dụng số tiền 1.100.000đ để đánh bạc, nộp tiền “hồ” 10.000đ; bị thua 80.000đ; đến khi bị bắt quả tang trên người còn 1.010.000đ. Nguyễn Văn T2 khai mang theo và sử dụng số tiền 700.000đ để đánh bạc, nộp tiền “hồ” 10.000đ; thắng 360.000đ; đến khi bị bắt quả tang trên người có 1.050.000đ. Vũ Hữu T khai mang theo và sử dụng số tiền 480.000đ để đánh bạc; bị thua 230.000đ; đến khi bị bắt quả tang trên người còn 250.000đ. Nguyễn Minh P khai mang theo và sử dụng số tiền 460.000đ để đánh bạc, nộp tiền “hồ” 10.000đ; thắng

160.000đ; đến khi bị bắt quả tang trên người có 610.000đ. Nguyễn Văn V khai mang theo và sử dụng số tiền 200.000đ để đánh bạc, nộp tiền “hồ” 10.000đ; bị thua 90.000đ; đến khi bị bắt quả tang trên người còn 100.000đ. Trần Văn T khai mang theo và sử dụng số tiền 110.000đ để đánh bạc, nộp tiền “hồ” 10.000đ; bị thua 60.000đ; đến khi bị bắt quả tang trên người còn 40.000đ. Vũ Đức P khai thu tổng số tiền “hồ” là 50.000đ. Như vậy, xác định tổng số tiền các bị can đã sử dụng vào việc đánh bạc là 7.450.000 đồng

Tại bản Cáo trạng số 84/KS-ĐT ngày 17/10/2017 Viện kiểm sát nhân D huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố các bị cáo Vũ Đức P, Nguyễn T K, Vũ T D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Vũ Hữu T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn V và Trần Văn T về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các bị cáo Vũ Đức P, Nguyễn T K, Vũ T D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Vũ Hữu T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn V và Trần Văn T đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Đức P, Nguyễn T K, Vũ T D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Vũ Hữu T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn V và Trần Văn T phạm tội “Đánh bạc”:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 45; 53; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS xử phạt: Vũ Đức P từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân D xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo từ 05 đến 07 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; 53; điều 31 BLHS xử phạt: Nguyễn T K từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Áp dụng khoản 1; khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; 53; điều 31 BLHS xử phạt: Vũ T D từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Phạt bổ sung bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng

- Áp dụng khoản 1; khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 45; 53; điều 31 BLHS xử phạt: Trần Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không

giám giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Phạt bổ sung bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng

- Áp dụng khoản 1; khoản 3 Điều 248; điểm h,p khoản 1 Điều 46; Điều 45; 53; điều 31 BLHS xử phạt: Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Phạt bổ sung bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h,p khoản 1 Điều 46; Điều 45; 53; điều 31 BLHS xử phạt: Nguyễn Văn T2 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; 53, điều 31 BLHS xử phạt Vũ Hữu T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; 53, điều 31 BLHS xử phạt Nguyễn Minh P từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Phạt bổ sung bị cáo từ 03 đến 05 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; 53, điều 31 BLHS xử phạt Nguyễn Văn V từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn T K, Vũ T D, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Vũ Hữu T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn V tính từ ngày Ủy ban nhân D xã nơi các bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo Nguyễn T K, Nguyễn Minh P và Nguyễn Văn V cho Ủy ban nhân D xã D huyện H, tỉnh Thái Bình theo dõi, giáo dục trong thời gian trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Vũ Hữu T cho Ủy ban nhân D xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương theo dõi, giáo dục trong thời gian trong thời gian trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Vũ T D, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân D xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo dõi, giáo dục trong thời gian trong thời gian trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cối đã cũ; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Tịch thu để sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 7.450.000 đồng. Tịch thu hóa giá sung công 01 điện thoại iphone 4 màu đen của Nguyễn T K; 01 điện thoại iphone 4s màu trắng của Vũ Đức P; 01 điện thoại iphone 5 màu trắng của Trần Văn T. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều không có tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân D huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân D huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến đề nghị, khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung bản cáo trạng được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ như:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 16 giờ 30 ngày 05/8/2017 tại nhà ở của Vũ Đức P ở thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Bút lục số: 5-10).

- Biên bản về việc người phạm tội (Vũ Đức P) ra đầu thú (Bút lục số: 15)

- Các biên bản quản lý đồ vật tài liệu (Bút lục số: 12; 13; 14)

- Lời khai của người chứng kiến ông Nguyễn Văn Thoại, sinh năm 1972 ở thôn Quỳnh Lang, xã Quỳnh Ngọc (Bút lục số: 417-420);

Ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Từ 14 giờ 45 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 05/8/2017 Vũ Đức P đã sử dụng nhà ở của mình cho Nguyễn Văn V, Trần Văn T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T, Nguyễn

T K, Vũ Hữu T và Vũ T D đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “liêng” với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 7.400.000 đồng và Vũ Đức P đã thu 50.000 đồng tiền “hồ” bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân D huyện Quỳnh Phụ đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo Vũ Đức P, Nguyễn Văn V, Trần Văn T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T, Nguyễn T K, Vũ Hữu T và Vũ T D đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Điều 248. Tội đánh bạc.

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng."

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội và dư luận bất bình trong nhân D, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của các bị cáo thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không phân công phân nhiệm cụ thể và các bị cáo có vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo có khác nhau vì vậy cần phân tích cụ thể để lên mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo: Bị cáo Vũ Đức P là người đã sử dụng nhà ở của mình để cho các bị cáo khác đánh bạc với mục đích thu lợi bất chính, bị cáo cũng là người gọi các bị cáo khác đến đánh bạc và chuẩn bị công cụ cho việc đánh bạc do vậy bị cáo giữ vai trò thứ nhất trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án. Bị cáo Nguyễn T K là người tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất (3.000.000 đồng) do vậy giữ vai trò thứ 2 và phải chịu mức hình phạt cao thứ hai trong vụ án. Bị cáo Vũ T D tham gia đánh bạc với số tiền nhiều thứ 2 (1.400.000 đồng) do vậy bị cáo phải chịu mức án thấp hơn bị cáo P, bị cáo K nhưng phải cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo Nguyễn Văn T tham gia đánh bạc với số tiền nhiều thứ 3 (1.100.000 đồng) và Nguyễn Văn T2 (700.000 đồng) do vậy các bị cáo phải chịu mức án cao thứ 4 và thứ 5. Các bị cáo còn lại sử dụng số tiền không lớn vào để đánh bạc là Vũ Hữu T (480.000 đồng), Nguyễn Minh

P (460.000 đồng), Nguyễn Văn V (200.000 đồng) và Trần Văn T (110.000 đồng) do vậy các bị cáo chịu mức án thấp hơn tương ứng với vai trò phạm tội của mình.

[3] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thấy:

Các bị cáo Vũ Đức P, Nguyễn Văn V, Trần Văn T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T, Nguyễn T K, Vũ Hữu T Vũ T D đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Các bị cáo Vũ Đức P, Nguyễn Văn V, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T, Nguyễn T K, Vũ Hữu T và Vũ T D đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn khai báo, do vậy được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Văn T trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn khai báo, do vậy được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có Bồ đề là ông Trần Văn Ty tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước do vậy Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự 1999 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Quỳnh Phụ là phù hợp. Đối với bị cáo Vũ Đức P sau khi phạm tội đã tự ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình do vậy hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Bị cáo Vũ Đức P có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng do vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa Ph giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các quy định của pháp luật và cũng đủ giáo dục bị cáo thành người công D có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Vũ T D, ngày 01/11/1995 bị Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, nay đã hết thời hiệu, trong một thời gian dài bị cáo chấp hành tốt các quy định của địa Ph và pháp luật của Nhà nước, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo Trần Văn T, ngày 31/10/1998 bị Tòa án nhân D tỉnh Thái Bình xử phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp của công D, bị cáo thi hành xong bản án và đã được xóa án tích, vai trò của bị cáo không lớn và sử dụng số tiền ít nhất vào việc đánh bạc, bị cáo có

nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy các bị cáo Vũ T D, Trần Văn T, Nguyễn T K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Vũ Hữu T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn V đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo Vũ T D, Trần Văn T, Nguyễn T K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Vũ Hữu T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn V đều có thu nhập không ổn định, chủ yếu từ nông nghiệp do vậy không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo phạm tội với động cơ tư lợi và sát phạt nhau, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên xét thấy gia đình bị cáo Nguyễn T K có vợ là nạn nhân chất độc màu da cam và thuộc hộ cận nghèo; Gia đình Nguyễn Văn V có con đẻ bị khuyết tật đặc biệt và thuộc hộ cận nghèo; Gia đình Nguyễn Văn T2 thuộc hộ nghèo; Gia đình Vũ Hữu T thuộc hộ nghèo do vậy Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn T K, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T2, Vũ Hữu T

[4] Về vật chứng của vụ án: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cối đã cũ là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy. Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại iphone 4 màu đen của Nguyễn T K; 01 điện thoại iphone 4s màu trắng của Vũ Đức P; 01 điện thoại iphone 5 màu trắng của Trần Văn T là Ph tiện các bị cáo dùng để rủ nhau đến tham gia đánh bạc do vậy cần tịch thu hóa gia sung công quỹ nhà nước.

Số tiền cơ quan điều tra thu giữ 7.450.000 đồng tại chiếu bạc và trong người các bị cáo được chứng minh là tiền các bị cáo dùng vào mục đích phạm tội, cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Đức P

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn T K

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ T D

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T2

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật hình sự đối với Vũ Hữu T

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Minh P

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn V

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Đức P, Nguyễn Văn V, Trần Văn T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T, Nguyễn T K, Vũ Hữu T và Vũ T D phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Vũ Đức P: 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/11/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Phạt bổ sung 5.000.000 (*năm triệu*) đồng sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn T K 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày (từ ngày 05/8/2017 đến ngày 11/8/2017) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 tháng 12 ngày tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ấn định thời gian chấp hành hình phạt, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Xử phạt bị cáo Vũ T D 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày (từ ngày 05/8/2017 đến ngày 11/8/2017) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 14 tháng 12 ngày tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ấn định thời gian chấp hành hình phạt, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Phạt bổ sung 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày (từ ngày 05/8/2017 đến ngày 11/8/2017) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 14 tháng 12 ngày tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ấn định thời gian chấp hành hình phạt, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Phạt bổ sung 3.000.000(*Ba triệu*) đồng sung công quỹ nhà nước

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 05/8/2017 đến ngày 08/8/2017) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 tháng 21 ngày tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ấn định thời gian chấp hành hình phạt, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Phạt bổ sung 3.000.000(*ba triệu*) đồng sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày (từ ngày 05/8/2017 đến ngày 11/8/2017) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 tháng 12 ngày tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ấn định thời gian chấp hành hình phạt, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Xử phạt bị cáo Vũ Hữu T 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày (từ ngày 05/8/2017 đến ngày 11/8/2017) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 tháng 12 ngày tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ấn định thời gian chấp hành hình phạt, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 05/8/2017 đến ngày 08/8/2017) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 tháng 21 ngày tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ấn định thời gian chấp hành hình phạt, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Phạt bổ sung 3.000.000(*Ba triệu*) đồng sung công quỹ nhà nước

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 05/8/2017 đến ngày 08/8/2017) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 tháng 21 ngày tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Hưng Hà, tỉnh

Thái Bình ấn định thời gian chấp hành hình phạt, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Giao các bị cáo Vũ T D, Trần Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Giao các bị cáo Nguyễn T K, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn V cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Giao bị cáo Vũ Hữu T Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu để tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc cối đã cũ;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 7.450.000 đồng;

Tịch thu hóa gia sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại iphone 4 màu đen của Nguyễn T K; 01 điện thoại iphone 4s màu trắng của Vũ Đức P; 01 điện thoại iphone 5 màu trắng của Trần Văn T

(Toàn bộ vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án D sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án D sự huyện Quỳnh Phụ ngày 17/10/2017)

3. Về án phí: Mỗi bị cáo Vũ Đức P, Nguyễn Văn V, Trần Văn T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T, Nguyễn T K, Vũ Hữu T, Vũ T D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo Vũ Đức P, Nguyễn Văn V, Trần Văn T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T, Nguyễn T K, Vũ Hữu T, Vũ T D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/11/2017.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THA DS huyện Quỳnh Phụ;
- Các bị cáo ;
- L- u văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**